

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 250/2026/DS-PT
Ngày: 31 – 3 - 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

- Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Bà Võ Bích Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/3/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2026/TLPT-DS ngày 16/01/2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 73/2026/DS-ST ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Phương E**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). (*có mặt*)

- *Bị đơn:* Ông **Tăng Minh T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ). (*có mặt*)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Phan Thanh T1**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 1, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là phường L, thành phố Cần Thơ). *(vắng mặt)*

2. Tổng Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ: Số F P, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 5428/GUQ-VCC ngày 24/7/2025): Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số B, đường T, phường C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

3. Công ty TNHH X1.

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (nay là xã V, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Nguyên M, sinh năm 1962; địa chỉ: Số F, ấp B, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). *(vắng mặt)*

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Đăng Thành L, sinh năm 1992; địa chỉ: Số nhà H, ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là số nhà H, ấp H, xã H, tỉnh An Giang). *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Phương E trình bày: Do quen biết nên vào ngày 22/8/2023 bà và ông Tăng Minh T có trực tiếp thỏa thuận miệng (theo đó bà nhận thi công làm cửa X và vách kính nhôm kính cường lực cho ông T) công trình này được lắp đặt tại địa chỉ nhà dân ở ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang với tổng số tiền 183.357.800 đồng Sau khi thỏa thuận giá cả và khối lượng công việc bà đã thi công và đã hoàn thành xong công trình vào ngày 03/9/2023 đã tiến hành bàn giao theo đúng số lượng, chất lượng theo đúng thỏa thuận và tiến độ, khi bàn giao có ông Nguyễn Đăng Thành L là người giám sát công trình xác nhận đủ số lượng, chất lượng như yêu cầu đặt ra. Theo thỏa thuận ban đầu ông T cam kết sau khi ráp cửa xong trong vòng 10 ngày sẽ thanh toán đủ số tiền cho bà, nhưng sau khi hoàn thành công việc vào ngày 03/9/2023 cho đến nay chưa thanh toán khoản nào cho bà là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán nhưng ông T cứ hẹn mà không thanh toán.

Do đó, nguyên đơn bà Trần Thị Phương E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Tăng Minh T phải có nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền thi công

cửa còn nợ là 183.357.800 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 13/9/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Tăng Minh T trình bày: Trước đây vào năm 2023 Chi nhánh Công trình V có nhận dự án thi công xây dựng công trình nhà dân của bà Đặng Ngô Thúy H1, địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Sau đó Chi nhánh Công trình V có ký hợp đồng với Công ty TNHH X1 (do ông Huỳnh Nguyên M là cha vợ ông T làm giám đốc) để trực tiếp thi công toàn bộ công trình này đến khi hoàn thành. Trong quá trình thi công ông T có giao lại cho ông Phan Thanh T1 trực tiếp thi công công trình này (chỉ thỏa thuận miệng không có văn bản, giấy tờ gì), do ông T và bà Trần Thị Phương E trước đó có làm ăn qua lại với nhau vài công trình khác nên ông T có giới thiệu bà Trần Thị Phương E cho ông Phan Thanh T1 để thỏa thuận thuê bà E thi công phần cửa cho công trình. Mọi thỏa thuận về kết cấu, chất lượng, giá cả và phương thức thanh toán là do bà E và ông T1 trực tiếp thỏa thuận, ông T không biết.

Ông T thừa nhận bà E đã thi công phần kính của công trình hoàn thành đúng khối lượng, chất lượng và có ông Nguyễn Đăng Thành L là giám sát của công trình này xác nhận, thể hiện qua các biên bản nghiệm thu công trình.

Do sau khi bà Trần Thị Phương E thi công hoàn thành phần cửa, ông Phan Thanh T1 không thanh toán cho bà E nên bà E có đến nơi ông T làm việc để yêu cầu thanh toán, ông T mới ký vào tờ tường trình ngày 09/12/2023 cho bà E với nội dung xác nhận số tiền lắp đặt cửa sắt tại công trình còn nợ bà E là 183.357.800 đồng, ông T thừa nhận chữ ký và viết tên trong tờ tường trình này là của ông ký và viết nhưng ông chỉ xác nhận nợ thay cho ông T1.

Nay bà E khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền này ông không đồng ý, ông T thừa nhận hiện còn nợ bà E số tiền này nhưng ông Phan Thanh T1 là người có trách nhiệm trả cho bà E chứ không phải ông. Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH X1 do ông Huỳnh Nguyên M trình bày: Công ty TNHH X1 đã hoàn thành thi công công trình nhà ở của bà Đặng Ngô Thúy H1 tại thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng đã giao kết với Chi nhánh Công trình V.

Đối với công trình này có một số hạng mục do ông Phan Thanh T1 xin lại để thi công trong đó có hạng mục cửa nhôm Xingfa (khi đó ông Phan Thanh T1 là nhân viên Chi nhánh Công trình V) về phía công ty đã thanh toán cho ông Phan Thanh T1.

Về việc ông Phan Thanh T1 đã đến và liên hệ Cửa sắt H do bà Trần Thị Phương E làm chủ để thỏa thuận thi công hạng mục công trình trên vì vậy về phía Công ty TNHH X1 đề nghị bà Trần Thị Phương E khởi kiện ông Phan Thanh T1 theo đúng pháp luật, đây là thỏa thuận của các bên, ông Phan Thanh T1 tự có trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ phát sinh với bà Trần Thị Phương E.

Đại diện công ty T2 theo ý kiến, lời khai trình bày và chứng từ có liên quan do ông Tăng Minh T bị liên đới trong vụ việc đang tranh chấp.

Công ty TNHH X1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Cổ phần C tại Văn bản số 01/CV-CNCTHUG ngày 14/02/2025 gửi Tòa án trình bày:* Chi nhánh Công trình V - Tổng Công ty Cổ phần C đã ký hợp đồng số 270402-XD/HĐXL-2023/HUG-NHATKHOI (Hợp đồng 270402) (MSDN: 6300345750; Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Nguyên M) vào ngày 27/04/2023. Đến ngày 20/11/2023, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng. Về phía Chi nhánh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X1 và các bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng theo đúng quy định và không còn công nợ. Ngoài ra, bên phía Chi nhánh cũng không ký kết bất kỳ hợp đồng nào với nguyên đơn là bà Trần Thị Phương E trong vụ án.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T1:* Vắng mặt trong toàn bộ tiến trình tố tụng tính từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, nên chưa thể hiện ý kiến đối với nội dung tranh chấp trong vụ án.

- *Quá trình thu thập chứng cứ người làm chứng ông Nguyễn Đăng Thành L trình bày:* Thời điểm năm 2023 ông là nhân viên giám sát, ông Tăng Minh T và ông Phan Thanh T1 là nhân viên của Chi nhánh Công trình V, khoảng đầu tháng 6 năm 2023 Chi nhánh Công trình V có nhận thi công căn nhà cấp 4 để ở và bán cà phê của ông Ngô Ô K với bà Đặng Ngô Thúy H1 ở thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có hồ sơ ký kết giữa bên chủ đầu tư và bên nhận thi công). Sau khi nhận thầu thì Chi nhánh Công trình V giao khoán lại trọn gói cho Công ty TNHH X1 (ông được biết công ty này là của ông Tăng Minh T) để trực tiếp thi công công trình này, lúc đó Chi nhánh Công trình V cử ông làm giám sát công trình này.

Quá trình giám sát thì sau 05 tháng kể từ khi thi công thì công trình này hoàn thành, đơn vị trực tiếp thi công công trình là Công ty TNHH X1 của ông Tăng Minh T, quá trình thi công không biết ông Tăng Minh T có thuê lại ai thi công không thì ông không biết. Ông chỉ giám sát tiến độ hoàn thành và chất lượng của công trình. Khi công trình gần hoàn thiện đến giai đoạn thi công phần cửa thì ông

biết ông Tăng Minh T có liên hệ bà Trần Thị Phương E để thi công lắp đặt phần cửa nhôm Xingfa cho công trình, vì trước đó ông biết bà Trần Thị Phương E đã thi công cho ông T một vài công trình khác, bản thân bà E với ông Phan Thanh T1 không biết nhau trước đó. Sau khi thi công xong ông có nghiệm thu công trình đạt yêu cầu có biên bản đã giao về cho Chi nhánh Công trình V toàn bộ hồ sơ giám sát công trình, đối với phần cửa do bà Trần Thị Phương E thi công đúng chất lượng, khối lượng như yêu cầu.

Ngày 09/12/2023 ông có ký xác nhận vào Tờ tường trình về khối lượng cửa kính Xingfa là 82,804m có nghĩa là đã đạt và hoàn thành yêu cầu của công trình. Theo ông L, ông Tăng Minh T là người trực tiếp thuê bà Trần Thị Phương E thi công công trình. Việc bà Trần Thị Phương E và ông Tăng Minh T thỏa thuận bằng hình thức nào và giá cả, thời hạn thanh toán như thế nào thì ông không biết.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số /2025/DSST ngày của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương E.

Buộc bị đơn ông Tăng Minh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Phương E số tiền thi công cửa kính còn nợ là 183.357.800 đồng (*một trăm tám mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn trả lãi do chậm thanh toán theo quy định pháp luật kể từ ngày 13/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ đã tuyên xử. Bị đơn ông T đã kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Ông T không đồng ý trả nợ mà cho rằng trách nhiệm trả là do ông T1. Hiện nay ông T1 đi đâu không rõ và không biết địa chỉ. Ông chỉ là người xác nhận vào tờ tường trình.

Bà E đồng ý với bản án sơ thẩm và yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo bị đơn ông Tăng Minh T

Nhận thấy, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 183.357.800 đồng. Thấy rằng, quá trình giải quyết bị đơn ông Tăng Minh T thừa nhận việc bà Trần Thị Phương E có thi công phần cửa kính cho công trình nhà ở tại thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang và xác nhận công trình đã được hoàn thành đúng khối lượng, chất lượng như yêu cầu, đồng thời cũng được người giám sát công trình là ông Nguyễn Đăng Thành L xác nhận bằng văn bản, tuy nhiên ông T cho rằng ông không có giao dịch với bà E mà chỉ giới thiệu cho ông Phan Thanh T1 là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận với bà E. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Trần Thị Phương E khẳng định chỉ đứng ra thỏa thuận với ông T vì trước đó bà với ông T có thỏa thuận thi công vài công trình khác nên từ đó bà mới tin tưởng và tiếp tục thỏa thuận thi công với ông T, bà không có thỏa thuận với ông T1. Ông T không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện ông Phan Thanh T1 là người thỏa thuận với bà Trần Thị Phương E chứ không phải là ông. Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Tăng Minh T thừa nhận có yêu cầu nguyên đơn bà Trần Thị Phương E xin các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH X1 để làm thủ tục quyết toán công trình với Chi nhánh Công trình V1, do cửa hàng của bà Phương E không thể xuất hóa đơn giá trị gia tăng nên bà E đã xin hóa đơn từ các công ty khác nơi bà mua vật tư để giao cho ông T, nội dung các hóa đơn đều để tên người mua hàng là Công ty TNHH X1, tên hàng hóa trong các hóa đơn là các vật tư dùng để thi công cửa kính nhôm như lời khai của bà Phương E. Chi nhánh Công trình V và người làm chứng ông Nguyễn Đăng Thành L đều thừa nhận sau khi Chi nhánh Công trình V nhận thầu thì chỉ giao lại cho Công ty TNHH X1 trực tiếp thi công công trình này, ngoài ra không có giao lại cho đơn vị nào khác thi công, Công ty TNHH X1 thực tế do ông Tăng Minh T thừa nhận là người điều hành hoạt động của công ty. Ông T cho rằng ông không có thỏa thuận với bà E để bà E thi công phần cửa kính Xingfa nhưng ông lại ký vào tờ tường trình ngày 09/12/2023 và thừa nhận còn thiếu bà E số tiền 183.357.800 đồng. Từ đó, có cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn bà Trần Thị Phương E và ông bị đơn ông Tăng Minh T có xác lập hợp đồng thi công là có thật. Hình thức, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với các quy định tại các điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, buộc ông T có nghĩa vụ trả

cho bà Phương E số tiền còn thiếu 183.357.800 đồng là có căn cứ. Nên kháng cáo của bị đơn ông T là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo hướng: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tăng Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: "*Tranh chấp hợp đồng thi công* " thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét. Việc ủy quyền của các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 183.357.800 đồng và tiền lãi theo quy định do chậm thực hiện nghĩa vụ do thi công công trình đã xong. Bị đơn ông T thừa nhận nguyên đơn có thi công phần cửa kính cho công trình nhà ở cho phía bị đơn với số tiền nêu trên. Phía ông Phan Thanh T1 vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa ghi lời khai.

Qua xem xét Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Xét về hình thức của hợp đồng thi công. Mặc dù là hợp đồng miệng nhưng các bên đã thực hiện theo đúng nội dung đã cam kết, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với các quy định.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng bà E đã thi công đúng tiến độ, hoàn thành theo thỏa thuận được xác lập, bị đơn ông Tăng Minh T cũng thừa nhận việc bà E có thi công phần cửa kính cho công trình nhà ở tại thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang và xác nhận công trình đã được hoàn thành đúng khối lượng, chất lượng như yêu cầu. Chính ông T thừa nhận là bà E đã thực hiện xong và còn nợ 183.357.800 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả là phù hợp.

Xét việc ông T cho rằng ông không có trách nhiệm thanh toán mà ông T1 mới là người có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên: Qua xem xét nhận thấy: giữa bà E và ông T1 không có thỏa thuận nào được chứng minh, trong khi chính ông T là người thỏa thuận và xác nhận công nợ với bà E. Hơn nữa, không có một thỏa thuận

tay ba nào khác. Ngoài công trình này ra thì bà E và ông T đã thực hiện nhiều công khác đã xong nên bà E đã thỏa thuận với ông T mà không thông qua cơ quan có pháp nhân.

Căn cứ vào Tờ tường trình ngày 09/12/2023 có chữ ký xác nhận của ông Tăng Minh T, ông đã thừa nhận số tiền nợ là 183.357.800 đồng, nội dung tường trình thể hiện rõ việc hoàn thành công trình, khối lượng công việc và xác nhận khoản tiền còn nợ. Vì vậy, trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên thuộc về ông T.

Mặc khác, các bên có liên quan gồm Chi nhánh Công trình V và Công ty TNHH X1 đều đã khẳng định các bên đã hoàn thành nghĩa vụ giao kết với nhau và không có bất kỳ giao kết hay nghĩa vụ thanh toán nào đối với bà E nên bà E kiện ông T là có căn cứ.

Xét về tiền lãi: Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút lại yêu cầu. Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ là phù hợp.

Xét yêu cầu của ông T: Ông T cho rằng bà E phải kiện ông T1 để đòi số tiền nhận thấy: Ông T không có chứng cứ chứng minh giữa ông T1 và bà E có thỏa thuận nào khác. Do vậy, giữa ông T và ông T1 nếu có thỏa thuận nào khác chưa được giải quyết thì ông T có quyền khởi kiện ông T1 trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

Xét kháng cáo của ông T: Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh. Bản án sơ thẩm tuyên là phù hợp nên giữ nguyên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Tăng Minh T có nghĩa vụ chịu 9.167.890 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Phương E số tiền 4.583.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001294 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Cần Thơ).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu là 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002663 ngày 27/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông T đã nộp xong.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 410 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tăng Minh T. Giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương E.

Buộc bị đơn ông Tăng Minh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Phương E số tiền thi công cửa kính còn nợ là 183.357.800 đồng (*một trăm tám mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn trả lãi do chậm thanh toán theo quy định pháp luật kể từ ngày 13/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Tăng Minh T có nghĩa vụ chịu 9.167.890 đồng (*chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi đồng*). Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Phương E số tiền 4.583.000 đồng (*bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001294 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Cần Thơ).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu là 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002663 ngày 27/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông T đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Tòa án Khu vực 11- Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 11- Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bích Hải – Nguyễn Thị Thùy Trang Nguyễn Văn Hải